

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 4 - 2024

V/v không công nhận là vợ chồng  
và tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lành Văn Huế

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Dương Thị Huyền

Ông Phương Anh Tư

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2023/TLST-HNGĐ ngày 20/11/2023 về việc “Không công nhận vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXX-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị M, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Triệu Tiến H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị M và anh Triệu Tiến H trước khi về chung sống với nhau có được hai bên gia đình giới thiệu, sau đó anh chị tự nguyện về ở với nhau không bị ai ép buộc, được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo tập quán địa phương và về chung sống với nhau từ năm 2000, nhưng do

không hiểu biết pháp luật nên không đi đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức lễ cưới, anh chị sống tại thôn L, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và có sinh được 02 người con chung. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau bình thường, được một thời gian sau vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh chị thường xuyên cãi nhau, anh H không lo làm ăn chơi bời cờ bạc, nợ nần năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn xét xử 18 tháng tù giam chị M ở nhà phải đi làm thuê kiến tiền trả nợ khoản vay lãi ngoài cho anh H, hy vọng khi anh H chấp hành án xong về thay đổi tính cách nhưng anh H vẫn tính nào tật ý lại chơi bời cờ bạc bán hết máy xúc, ô tô để trả nợ và ngoài ra anh H còn đi ngoại tình với người phụ nữ khác, anh H bắt chị M đi hỏi vợ hai cho. Chị M và gia đình hai bên nội ngoại có khuyên bảo rất nhiều lần nhưng anh H không nghe, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, có nhiều lần anh H đánh chị M, thậm trí còn cầm dao đuổi đánh giết, lần gần đây nhất là vào ngày 20/10/2023 đánh đập vào đầu chị M chảy máu rất nhiều và được gia đình đưa đi Trạm y tế xã khâu 03 múi, đánh tím cả vùng ngực và sườn... Vì thế chị M không thể chung sống với anh H được nữa nên đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống và ly thân từ ngày 20/10/2023 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị M yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng với anh Triệu Tiến H.

Về con chung: Có hai người con chung tên là Triệu Thị H1, sinh ngày 30/6/2004, hiện nay cháu Triệu Thị H1 đã trưởng thành và đi xây dựng gia đình nên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu Triệu Tài T, sinh năm 28/02/2011 đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu T1, nếu cháu T1 ở với anh H thì chị M sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

*Tại bản tự khai anh Triệu Tiến H trình bày:*

Anh H và chị M chung sống với nhau từ 2000, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trước khi về chung sống với nhau anh chị có được tự nguyện đến với nhau và được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau tổ chức lễ cưới hai vợ chồng về chung sống có hòa thuận, hạnh phúc, sau đó có mâu thuẫn cãi vã nhỏ nhưng chưa đến mức chàm trọng, đến ngày 20/10/2023 anh chị phát sinh mâu thuẫn là do anh H uống rượu về say ra xô xát nhau, sau đó chị M bỏ nhà đi về ngoại sống ly thân cho đến nay. Anh H đã nhiều lần nhắn tin, điện thoại mong muốn chị M quay về đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con nhưng chị M không về. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, việc chị M yêu cầu ly hôn anh H không đồng ý và yêu cầu được đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Có hai người con chung tên là Triệu Thị H1, sinh ngày 30/6/2004 nay đã trưởng thành và đi xây dựng gia đình, không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Triệu Tài T, sinh năm 28/02/2011 nếu phải ly hôn anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách huyện B 200.000.000đ; Ngân hàng N; vay anh em hàng xóm 150.000.000đ; Triệu Tiến Lâm 50.000.000đ; Đặng Đăng A 50.000.000đ. Anh H yêu cầu chị M chịu trách nhiệm trả 1/2 số nợ.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Triệu Tài T khai là có nguyện vọng ở với bố là anh Triệu Tiến H.

Quá trình giải quyết vụ án anh Triệu Tiến H có mặt viết bản tự khai, sau đó không có mặt theo giấy thông báo của Tòa án để cung cấp tài liệu chứng cứ, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và qua xác minh trường thôn Làng Đồng, xã N và Công an xã N cho thấy: Anh H vẫn có hộ khẩu thường trú tại địa phương, không có khai báo tạm vắng và hiện nay vẫn có mặt tại địa phương. Tuy nhiên, anh H đã được Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng mà không có lý do.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh H không có mặt theo thông báo của Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị M đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh H vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập họp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị M và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Dương Thị M và anh Triệu Tiến H.

Về con chung: Cháu Triệu Thị H1, sinh ngày 30/6/2004 nay đã trưởng thành không đề nghị xem xét giải quyết; giao cháu Triệu Tài T, sinh năm 28/02/2011 cho anh H nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành, ghi nhận chị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng đến khi đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/5/2024.

Tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị Dương Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định đề sung ngân sách Nhà nước.

Nội dung kiến nghị: Không có.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập phiên tòa hợp lệ tại ngày 28/3/2024 cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Triệu Tiến H cố tình vắng mặt không có lý do. Việc vắng mặt của anh Triệu Tiến H không gây ảnh hưởng cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Dương Thị M khởi kiện yêu cầu giải quyết không công nhận là vợ chồng, tranh chấp nuôi con. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Không công nhận là vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải về phần con chung, tài sản chung và nợ chung, tuy nhiên anh Triệu Tiến H không có mặt. Các đương sự không có ý kiến khiếu nại gì về thủ tục tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị M và anh Triệu Tiến H tổ chức hôn lễ vào năm 2000. Tuy nhiên, anh chị không đi đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị M và anh Triệu Tiến H là bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Mặc dù chị Dương Thị M và anh Triệu Tiến H không có đăng ký kết hôn nhưng đã chung sống với nhau như vợ chồng trong nhiều năm. Quá trình chung sống đến năm 2023 hai anh chị có xảy ra mâu thuẫn và cũng đã sống ly thân từ đầu tháng 10 năm 2023 cho đến nay không còn quan tâm gì nhau, tại phiên tòa chị Dương Thị Minh xác đ không còn tình cảm để tiếp tục chung sống với anh Triệu Tiến H. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định "*Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng không đi đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Quyền và nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo Điều 15 và Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình*". Do chị Dương Thị M và anh Triệu Tiến H sống chung với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định và đã sinh được hai người con chung. Do vậy, yêu cầu của chị Dương Thị M là có căn cứ chấp nhận nên Hội đồng xét xử cần không công nhận là vợ chồng đối với chị Dương Thị M và anh Triệu Tiến H.

[4] Về con chung: Chị Dương Thị M và anh Triệu Tiến H có 02 con chung là Triệu Thị H1, sinh ngày 30/6/2004 nay đã trưởng thành không nghị xem xét giải quyết; cháu Triệu Tài T, sinh năm 28/02/2011 nay đang ở với anh Triệu Tiến H. Khi ly hôn chị Dương Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con; tại biên bản lấy lời khai của cháu Triệu Tài T có nguyện vọng ở với bố là anh Triệu Tiến H. Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm của bố mẹ và theo nguyện vọng của cháu Triệu Tài T là ở với bố là anh Triệu Tiến H và tại phiên tòa chị Dương Thị M yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng cháu Triệu Tài T và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/người/tháng đến khi cháu Triệu Tài T đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/5/2024. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng, giao cháu Triệu Tài T cho anh Triệu Tiến H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là có căn cứ, phù hợp với điều kiện, nguyện vọng của cháu Triệu Tài T và cần ghi nhận sự tự nguyện của chị Dương Thị M về việc cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/người/tháng đến khi cháu Triệu Tài T đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/5/2024.

[5] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Dương Thị Minh xác định không có tài sản chung và nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai anh Triệu Tiến H có trình bày là có nợ, tuy nhiên Tòa án đã triệu tập anh Triệu Tiến H đến cung cấp tài liệu chứng cứ và làm thủ tục giải quyết nhưng anh Triệu Tiến H vắng mặt không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét giải quyết.

[7] Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Dương Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định để sung ngân sách Nhà nước.

[9] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 14, 15, 53, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 1, Điều 24; điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết

số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Dương Thị M và anh Triệu Tiến H là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Triệu Tiến H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Tài T, sinh ngày 28/02/2011 đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện chị Dương Thị M cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/người/tháng đến khi cháu T đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng từ 01/5/2024. Đối với Triệu Thị H1, sinh ngày 30/6/2004 đã trưởng thành không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Dương Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Dương Thị M đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003964 ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn. Chị Dương Thị M còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Dương Thị M có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Triệu Tiến H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Nhất Tiến
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lành Văn Huê**

